

Tác động của đại dịch Covid-19 đối với doanh nghiệp vừa và lớn ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách

Trần Thị Lan Hương*, Nguyễn Phương Thảo**

Nhận ngày 11 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Làn sóng đại dịch Covid-19 kể từ năm 2020 đã gây ra tác động lớn tới hoạt động của các doanh nghiệp (DN). Khu vực DN vừa và lớn bị rơi vào tình cảnh khó khăn do đứt gãy chuỗi cung ứng, đình trệ sản xuất, dẫn đến tình hình việc làm và đời sống của người lao động bị ảnh hưởng nặng nề. Trước tình hình đó, các doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh phương thức quản lý và chiến lược sản xuất kinh doanh. Chính phủ cũng đã đưa ra các nhóm chính sách hỗ trợ nhằm đồng hành cùng DN vượt qua thách thức. Do đó, bài viết nhằm phân tích những tác động của đại dịch Covid-19 đối với các DN vừa và lớn tại một số khu vực của Việt Nam, tìm hiểu khả năng ứng phó của DN cũng như đánh giá của DN về các nhóm chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong thời gian qua, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, đồng thời tạo môi trường kết nối thuận lợi giữa khu vực Nhà nước và DN trong bối cảnh sau đại dịch.

Từ khóa: Covid-19, chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và lớn.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: The wave of the Covid-19 pandemic since 2020 has caused a major impact on the operations of enterprises. The medium and large enterprise sector is in a difficult situation due to supply chain disruptions and production stagnation which lead to the employment situation and workers' lives being severely affected. Faced with that situation, the enterprises must adjust their management methods and production and business strategies. The government has also launched support policy groups to accompany enterprises in overcoming the challenges. The article analyzes the impacts of the Covid-19 pandemic on the medium and large enterprises in some areas of Vietnam, finds out the ability of enterprises to respond as well as their assessment of the support policy groups of the State in recent times, thereby providing a number of recommendations to solve difficulties for the enterprises, creating a favorable connection environment between the State and the enterprises in the post-pandemic context.

Keywords: Covid-19, support policies, medium and large enterprises.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Đại dịch Covid-19 bùng nổ và lan rộng trên phạm vi toàn cầu từ đầu năm 2020 đã gây ra những tác động tiêu cực rất lớn tới phần lớn DN và người lao động ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Hiện nay, những DN vừa và lớn dù có số lượng nhỏ hơn các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nhưng đang là lực lượng chính đóng góp vào doanh thu, giá trị sản xuất và lợi nhuận chung của khu vực DN. Có thể nói, đây là lực lượng tiên phong mang tính quyết định tới năng lực cạnh tranh, thương hiệu quốc gia trên thị trường quốc tế nhờ nguồn lực

* Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: tranlanhuongvass@gmail.com

** Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

vốn đầu tư lớn, công nghệ hiện đại và thu hút được lực lượng lao động chất lượng cao nhất trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Tác động của dịch bệnh Covid-19 có thể coi là “liều thuốc thử” quan trọng về năng lực chống chịu và sức khỏe của DN trong nền kinh tế, nhất là những DN lớn. Những ảnh hưởng trong thời kỳ Covid-19 như: đơn hàng, nguồn cung đầu vào, giữ chân người lao động, duy trì sản xuất... sẽ giúp các doanh nghiệp thực sự trưởng thành nhờ khả năng thích ứng, khả năng điều chỉnh chiến lược kinh doanh, cải cách và đổi mới của DN (về chiến lược sản xuất kinh doanh, về quản trị, về công nghệ,...).

Bài viết¹ này đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến các DN vừa và lớn tại Việt Nam cũng như khả năng phục hồi và năng lực phát triển trong dài hạn với sứ mệnh chủ công đóng góp vào phát triển quốc gia. Dựa vào số liệu điều tra DN hàng năm cũng như kết quả khảo sát 42 DN vừa và lớn của đề tài thuộc 3 vùng gồm vùng đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long hoạt động trong 2 lĩnh vực chính gồm: công nghiệp và lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Kết quả cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng hàng hóa, khả năng tiếp cận khách hàng, dòng tiền cũng như tình hình lao động của DN... đều gặp khó khăn trong thời gian diễn ra của dịch Covid-19. Điều này dẫn đến doanh thu và lợi nhuận, lao động việc làm của phần lớn các DN chịu ảnh hưởng trong ngắn hạn. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, với năng lực vượt trội so với các DN nhỏ, những doanh nghiệp lớn đã chủ động thực hiện những biện pháp ứng phó và thích ứng nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian dịch bệnh, đồng thời có những điều chỉnh, cải cách nhằm thực hiện chiến lược dài hạn.

Dịch bệnh Covid-19 cũng đã làm bộc lộ rõ hơn những điểm mạnh, điểm hạn chế của các DN nói chung cũng như hệ sinh thái hoạt động chung cho các DN. Để làm rõ hơn vấn đề này, báo cáo sẽ chỉ rõ hơn, từ đó đưa ra những giải pháp kiến nghị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh cho các DN, đặc biệt là nhóm DN quy mô lớn.

2. Tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và lớn trong giai đoạn đại dịch Covid-19

Khác với các cuộc khủng hoảng kinh tế hay cú sốc khác như suy thoái kinh tế sẽ tác động mạnh tới nhu cầu tiêu dùng (tới mặt cầu) hay tác động của khủng hoảng năng lượng (do chiến tranh) sẽ ảnh hưởng tới chi phí đầu vào sản xuất (tới mặt cung), dịch bệnh có ảnh hưởng tác động tới toàn diện, mọi mặt không chỉ tới từng doanh nghiệp mà còn tới cả toàn chuỗi cung ứng/mạng sản xuất toàn cầu. Dịch bệnh làm cho các doanh nghiệp thiếu hụt nguồn nguyên liệu, về không gian sản xuất, về lao động/việc làm, về logistic, về thị trường đầu ra.

2.1. Thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất kinh doanh

Các DN vừa và lớn gặp phải khủng hoảng trong vấn đề cung cấp nguyên liệu đầu vào cho sản xuất kinh doanh trong đại dịch Covid-19. Dịch bệnh kéo dài khiến đầu vào dự trữ của DN cạn kiệt. Theo kết quả khảo sát gần 60% DN có nguồn nguyên vật liệu đầu vào bị giảm xuống trong giai đoạn 2020-2021, trong đó, trên 43% DN sụt giảm từ 50%-100% nguyên vật liệu đầu vào.

¹ Bài viết thuộc Đề tài độc lập cấp Quốc gia: Tác động của đại dịch Covid-19 đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và khuyến nghị chính sách, Mã số: ĐTDL.XH-09/21.

Với thị trường trong nước, có 54,8% số DN được khảo sát cho rằng, trong khi dịch bệnh diễn ra, doanh nghiệp luôn thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào. Với thị trường nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài, tỷ lệ này là 26,2%. Một trong những nguyên nhân khiến DN không đủ nguyên liệu đầu vào là do trong đại dịch, chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy nghiêm trọng. Có khoảng 23,8% số DN nhập nguyên vật liệu từ thị trường nội địa và 16,7% số DN nhập khẩu từ nước ngoài cho rằng nguyên vật liệu bị thiếu hụt là bởi các chỉ thị giãn cách của Chính phủ làm hạn chế lưu thông, logistics. Việc đứt gãy chuỗi cung ứng do các biện pháp phong tỏa dẫn tới chi phí vận chuyển, lưu kho tăng, đồng thời đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao.

2.2. Thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh

Trước khi đại dịch xảy ra, đa số các DN vừa và lớn có nguồn vốn không đổi (61,9%), thể hiện sự ổn định của nguồn vốn kinh doanh. Tuy nhiên, giai đoạn 2020-2021, hầu hết các DN gặp phải khó khăn trong việc tiếp cận và duy trì nguồn vốn, do đó có tới 57,14% số doanh nghiệp được khảo sát cho thấy tình trạng phải thu hẹp nguồn vốn sản xuất, tăng 52,38% so với năm 2019. Trong thời kỳ dịch bệnh, khoảng 4,76% số DN vẫn hoạt động tương đối tốt và có khả năng mở rộng nguồn vốn, tuy nhiên tỷ lệ này đã giảm 19,04% so với năm trước đó. Hiện nay, số DN phải cắt giảm nguồn vốn đã giảm xuống 16,67%, số DN mở rộng và giữ ổn định nguồn vốn có dấu hiệu tăng lên, tuy nhiên vẫn chưa thể phục hồi như những năm trước khi đại dịch xảy ra.

2.3. Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp

Thời kỳ dịch bệnh gây ra khó khăn lớn cho các DN trong việc tiếp cận khách hàng do các biện pháp phong tỏa. Trong đại dịch, thị trường tiêu thụ trong nước và thị trường xuất khẩu của các DN đều gặp khó khăn, khối lượng hàng hóa tiêu thụ giảm sút. Đây là hệ quả tất yếu khi đại dịch bùng phát, người dân Việt Nam và các nước thuộc thị trường xuất khẩu truyền thống của quốc gia (Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật...) đều phải thực hiện giãn cách xã hội, lao động mất việc làm, thu nhập sụt giảm nên nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Ngay cả sau dịch bệnh do kinh tế khó khăn, các đơn hàng ở hầu hết các thị trường vẫn chịu ảnh hưởng cho tới cuối năm 2023.

Giai đoạn 2020-2021, 66,7% DN khảo sát bị giảm số lượng đối tác/khách hàng (tăng 59,5% so với năm 2019). Tương tự, 66,7% số DN cho rằng thị trường trong nước của DN bị thu hẹp (tăng 61,9% so với 2019) và 40,5% số DN nhận định thị trường tiêu thụ nước ngoài bị giảm (tăng 35,7% so với 2019). Thị trường giảm cầu đột ngột là nguyên nhân khiến các DN bị sụt giảm doanh thu, mất khả năng thanh toán và đứng trước bờ vực phá sản.

2.4. Sụt giảm doanh thu và lợi nhuận

Sụt giảm doanh thu là khó khăn lớn nhất mà nhiều DN gặp phải trong thời kỳ dịch bệnh. Các biện pháp giãn cách buộc người tiêu dùng phải hạn chế ra khỏi nhà, vì vậy hàng hóa của DN không thể tiêu thụ. Trong khi doanh thu bị sụt giảm nặng nề, các DN vẫn phải gánh nhiều khoản chi phí như: chi phí nhân công, chi trả lãi vay ngân hàng, chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí thuê mặt bằng,... Tình hình dịch bệnh phức tạp khiến hoạt động kinh doanh trì trệ, kéo theo sự sụt giảm trong doanh thu của nhóm DN vừa và lớn. Chỉ có 4,8% trong số các DN tham gia khảo sát có khả năng mở rộng doanh thu trong

giai đoạn 2020-2021. Ngược lại, có tới 69% số DN bị sụt giảm doanh thu, tăng 61,9% so với năm 2019, tương ứng số DN bị cắt giảm doanh thu đã tăng 9,67 lần trong vòng 3 năm.

Khi doanh thu sụt giảm, các khoản chi phí tăng lên đồng nghĩa với việc DN có sự sụt giảm đáng kể về lợi nhuận. Giai đoạn 2020-2021, có 66,7% số DN bị sụt giảm về mặt lợi nhuận, tăng 61,9% so với năm 2019. Sau đại dịch, các DN vừa và lớn đang có dấu hiệu phục hồi, với số DN bị sụt giảm về lợi nhuận đã giảm 42,9% xuống còn 23,8%. Trong đại dịch, 4,8% số DN vẫn giữ được tình hình kinh doanh khả quan và có khả năng tăng trưởng lợi nhuận, cùng với đó là 16,7% số DN giữ được lợi nhuận ổn định, không chịu nhiều tác động trước dịch bệnh.

2.5. Tác động tới các khoản nợ

Tình hình kinh doanh khó khăn khiến DN có sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận, do đó DN gặp phải nhiều trở ngại trong việc huy động nguồn vốn kinh doanh. Một trong số các giải pháp giúp DN duy trì hoạt động sản xuất là tiến hành vay nợ, tuy nhiên, DN cũng gặp phải rất nhiều trở ngại. Trong bối cảnh dịch bệnh, mọi cá nhân, tổ chức đều gặp khó khăn và rủi ro về thanh khoản, một số DN không thể thực hiện các khoản vay do gặp các vướng mắc về thủ tục vay vốn (28,6%), tài sản thế chấp (23,8%) và nợ xấu (26,2%). Tuy nhiên, có tới 45,2% số DN cho rằng họ không có nhu cầu vay vốn. Các DN vừa và lớn thường có quy mô vốn lớn và ổn định hơn so với các DN quy mô nhỏ, do đó có khả năng duy trì nguồn vốn khá tốt. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, các DN đã thu hẹp/cắt giảm nguồn vốn cho sản xuất trong mùa dịch, vì vậy không có nhu cầu vay thêm vốn để mở rộng kinh doanh.

2.6. Lực lượng lao động trong các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề

Khi quy mô doanh nghiệp gia tăng, tỷ lệ DN gặp khó khăn về chuỗi cung ứng và về lực lượng lao động cũng gia tăng. Theo kết quả khảo sát, trong đại dịch Covid-19, có tới 73,8% số DN vừa và lớn phải cắt giảm lao động, tăng 71,4% so với khi dịch bệnh chưa bùng phát. Tình hình kinh doanh khó khăn là nguyên nhân chính buộc các DN vừa và lớn phải cắt giảm nhân sự. Doanh nghiệp cố gắng duy trì sản xuất hoặc thậm chí giải thể là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất nghiệp tăng mạnh.

Theo khảo sát, các vấn đề lao động mà DN gặp phải trong thời kì đại dịch gồm: thiếu hụt lao động (35,7%); khó khăn trong tuyển dụng lao động (33,3%) và gia tăng các khoản chi phí đối với lao động. Phần lớn các DN phải gia tăng các khoản chi phí tăng do kiểm soát dịch bệnh và hỗ trợ cho lao động (lần lượt chiếm 57,1% và 50%), trong khi chỉ có 16,7% số DN phải thuê lao động với giá cao hơn trong khoảng giai đoạn 2020-2021. Một mặt, các doanh nghiệp khó tuyển dụng lao động hơn do tình hình giãn cách và tình hình sức khỏe của lao động, mặt khác, một số DN buộc phải cho lao động nghỉ không lương, cắt giảm giờ làm, cắt giảm tiền công, tiền lương, phúc lợi do hiệu suất kinh doanh suy giảm. Có 26,2% số DN cho lao động nghỉ được trả lương, mặc dù tác động tiêu cực tới doanh thu của DN nhưng chính sách này thể hiện sự nỗ lực của các DN trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng người lao động vượt qua khó khăn.

2.7. Khả năng phục hồi và thích ứng của các doanh nghiệp vừa và lớn

Những năm chịu ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh Covid-19 (năm 2020 và 2021), số lượng DN đăng ký thành lập mới trên cả nước nói chung giảm mạnh (cụ thể năm 2020 số lượng DN thành lập mới đăng ký giảm 3.198 DN so với năm 2019, năm 2021 giảm 21.300 DN

so với năm 2019). Năm 2020, tại Việt Nam có 101,7 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước. Năm 2021, số DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 18% so với năm trước.

Tuy nhiên, sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát dịch (năm 2022, số lượng DN đăng ký thành lập mới đã tăng vọt trở lại (tăng 10.394 DN so với năm 2019 trước dịch và tăng 31.694 DN so với năm 2021)². Năm 2023, số lượng doanh nghiệp đăng ký đạt 159.294 DN, tăng 7,2% so với 2022. Về số DN giải thể, năm 2020 và 2021 số lượng DN giải thể không có biến động lớn.

Mặc dù số lượng doanh nghiệp phá sản tăng cao, đại dịch Covid-19 cũng chính là dịp để các DN tự làm mới mình, tìm ra những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường để tồn tại và phát triển mạnh mẽ hơn. Những DN yếu kém, không đủ sức cạnh tranh sẽ bị loại bỏ, qua đó giúp tái cơ cấu nền kinh tế, làm trong sạch môi trường kinh doanh và là cơ sở thúc đẩy việc nâng cao năng lực của nền kinh tế, làm tiền đề cho một sự phát triển bền vững hơn.

So với các DN nhỏ và siêu nhỏ, DN vừa và lớn có sự phục hồi tốt hơn, số lao động làm việc trong các DN lớn chỉ sụt giảm năm 2020 (tổng số thu hút 9,5 triệu lao động làm việc năm 2019 và giảm xuống 9,4 triệu năm 2020 nhưng đến 2021 đã phục hồi tăng lên 9,5 triệu lao động). Trong khi đó, tổng lao động làm việc giảm mạnh trong nhóm DN nhỏ (từ 2,7 triệu năm 2019 giảm xuống chỉ còn 2,5 triệu lao động năm 2020 và 2021) và siêu nhỏ (từ 1,6 triệu lao động giảm xuống 1,4 triệu lao động).

3. Các giải pháp của các doanh nghiệp vừa và lớn ứng phó với đại dịch Covid-19

3.1. Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh đại dịch, nếu DN không tích cực, chủ động ứng phó nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực, hệ quả tất yếu là DN phải trì hoãn sản xuất kinh doanh, thậm chí rơi vào tình trạng phá sản. Vì vậy, hầu hết các DN vừa và lớn đã sử dụng đồng thời nhiều giải pháp như: chuyển hướng kinh doanh và chuyển đổi các hình thức sản xuất, sản phẩm chủ lực mới, tìm kiếm đối tác nhập nguyên vật liệu đầu vào mới, tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới, hoặc tiến hành sản xuất cầm chừng, cắt giảm lao động,... Theo khảo sát, có 92,9% số DN đã tiến hành các biện pháp nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19. Các giải pháp thích ứng cụ thể như: tìm kiếm thị trường nội địa mới (33,3%); tìm đối tác đầu vào mới (28,6%); thúc đẩy mảng kinh doanh thương mại điện tử;... Bên cạnh đó, có 16,7% DN tiến hành nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn về kỹ năng số cho người lao động nhằm thực hiện các giải pháp về làm việc trực tuyến. Đây là các biện pháp cho phép DN giảm phụ thuộc vào lao động thủ công, thích nghi với tình hình phức tạp do đại dịch gây ra.

Thay đổi phương pháp và phương thức quản lý, làm việc dựa vào nền tảng số. Khi con người và hàng hóa đều bị phong tỏa, các biện pháp giãn cách là động lực chính thúc đẩy DN tiến hành hình thức sản xuất, kinh doanh và trao đổi mới, trong đó chủ yếu là thông qua hình thức trực tuyến dưới sự hỗ trợ của mạng Internet, mạng xã hội và công nghệ số. Trong bối cảnh đại dịch, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, sử dụng công nghệ kết hợp mạng Internet là giải pháp hữu ích nhất cho DN. Trong số các DN khảo sát, có 71,4% DN đã sử dụng mạng Internet để đối phó với các thách thức từ

² Tính toán từ số liệu Sách trắng doanh nghiệp năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

dịch bệnh. Các DN vừa và lớn thường là những DN có đủ tiềm lực tài chính và nhân công để triển khai nhanh các chuyển đổi số thích ứng với dịch bệnh.

Trao đổi giấy tờ, tài liệu qua mạng là hình thức phổ biến nhất được các DN sử dụng (52,4%), tiếp đến là áp dụng phần mềm làm việc từ xa và họp trực tuyến (47,6%). Tuy nhiên, DN chưa áp dụng sâu rộng công nghệ và mạng Internet trong việc tìm kiếm nguồn tài chính mới, giải quyết các thủ tục vay nợ (9,5%) cũng như quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp qua phần mềm (9,5%). Để có thể thực sự đổi mới DN, không chỉ trong đại dịch mà còn hướng tới đổi mới cách thức hoạt động của DN trong lâu dài, DN cần triển khai mạnh mẽ hơn nữa việc số hóa, áp dụng các tiến bộ của Internet trong vận hành và quản lý, giải quyết các vấn đề về tài chính và lao động của DN.

Việc áp dụng công nghệ số và Internet mang lại rất nhiều lợi ích cho DN trong đại dịch, tiêu biểu có 64,3% DN cho rằng, các giải pháp này rất hữu ích và hạn chế tối đa việc tiếp xúc, tránh lây lan nguồn dịch bệnh. Hơn nữa, các biện pháp còn giúp DN tiết kiệm được rất nhiều loại chi phí trong quá trình sản xuất, thuê nhà xưởng, chi phí điện, nước, giấy tờ,... Một bộ phận người lao động có thể tiếp tục làm việc từ xa, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại. Tuy nhiên, một số DN cho rằng, việc áp dụng Internet gặp phải một số bất cập nhất định, chẳng hạn gây ra nguy cơ mất khách hàng và đối tác (11,9%) và có nguy cơ không bảo mật thông tin (2,4%). Hơn nữa, 2,4% số DN cho rằng hệ thống phần mềm kết nối giữa DN, các cơ quan nhà nước và khách hàng vẫn chưa đồng bộ, gây khó khăn cho DN khi sử dụng.

Nhìn chung, các DN vừa và lớn là nhóm DN có quy mô vốn và lao động lớn, do đó các DN hoàn toàn có đủ năng lực, cơ sở hạ tầng và nguồn vốn tài chính để đầu tư nâng cấp, áp dụng công nghệ số/Internet trong DN. Vì vậy, 14,3% DN khẳng định chắc chắn sẽ mở rộng toàn diện các lĩnh vực áp dụng công nghệ số/Internet trong thời gian tới; 50% sẽ mở rộng ở thời điểm thích hợp, 2,4% sẽ mở rộng một cách cầm chừng ở một số lĩnh vực và 2,4% cho rằng sẽ không áp dụng và quay lại phương thức sản xuất truyền thống. Do e ngại một số rủi ro khi sử dụng Internet nên một số DN chưa thực sự quyết tâm áp dụng phương thức này trong đổi mới DN.

4. Chính sách của Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và lớn vượt qua đại dịch Covid-19

Trước dịch bệnh căng thẳng, Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ DN vừa và lớn vượt qua khủng hoảng. Các chính sách hỗ trợ có thể được chia thành 2 nhóm chính gồm: (1) Nhóm chính sách hỗ trợ ngắn hạn và (2) Nhóm chính sách hỗ trợ dài hạn.

4.1. Nhóm chính sách hỗ trợ ngắn hạn

Các biện pháp ngắn hạn được Chính phủ thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu hỗ trợ cho DN nhanh chóng, kịp thời vượt qua đại dịch Covid-19. Trong đó, các chính sách này được chia thành 4 nhóm chính gồm: (i) Giảm lãi suất, thời gian cho vay nợ; (ii) Tạm dừng/miễn giảm đóng bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm xã hội (BHXH) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), kinh phí công đoàn, tiền điện nước, quỹ phòng chống thiên tai; (iii) Miễn, giảm, giãn các loại thuế, phí, lệ phí và (iv) Hỗ trợ tiền cho DN trong đại dịch.

Đối với các DN, nhóm chính sách hỗ trợ: (i) Về lãi suất và thời gian vay nợ được đánh giá là khó tiếp cận nhất, với 59,5%, 54,8% và 50% số DN cho rằng chính sách giãn thời gian khoản vay, giảm lãi suất cho vay và hỗ trợ vay vốn trả lương cho người lao động là khó và rất khó tiếp cận. Trong khi đó, chính sách khó tiếp cận nhất đối với các DN ở nhóm

(ii) Tạm dừng đóng BHXH, BHYT, BHTN (42,9%), ở nhóm (iv) Nhận tiền hỗ trợ bữa ăn cho người lao động (40,5%). Nhóm các chính sách (iii) về thuế, phí và lệ phí được đánh giá là dễ tiếp cận nhất đối với DN, với tỷ lệ DN tiếp cận khó khăn thấp hơn so với các nhóm chính sách khác. Khoảng 40,5% số DN cho rằng chính sách gia hạn đóng thuế, phí, lệ phí và miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế đất không dễ tiếp cận, giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) (30,9%), Giảm các loại phí để hỗ trợ khó khăn (35,7%). Như vậy, các DN cho rằng, chính sách hỗ trợ về thuế và đất đai có khả năng dễ dàng tiếp cận hơn so với các chính sách hỗ trợ trực tiếp khác.

Một mặt, các DN đánh giá mức độ tiếp cận, mặt khác DN cũng cho rằng, các chính sách trên có tác động lớn tới tình hình kinh doanh của DN. Nhóm các chính sách (iii) Hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí được DN đánh giá có tác động tích cực nhất (bao gồm tác động đáng kể, tích cực và rất tích cực), với chỉ tiêu cao nhất là miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế đất (59,6%), giảm thuế GTGT (54,8%) và gia hạn đóng thuế, phí, lệ phí (45,3%). Chính sách được DN đánh giá tích cực nhất ở nhóm (ii) Tạm dừng đóng BHXH, BHYT, BHTN (50%), ở nhóm (iv) Hưởng tiền lương, phụ cấp khi tham gia chống dịch (47,6%). Nhóm các chính sách (i) Hỗ trợ về lãi suất và vay nợ được đánh giá có ít tác động nhất, với các chính sách đều được đánh giá tích cực và rất tích cực ở mức thấp. Được đánh giá cao nhất là chính sách giãn thời gian khoản vay (47,6%), nhưng chỉ có 23,8% DN cho rằng chính sách này có ảnh hưởng tích cực, thấp hơn chính sách hưởng tiền lương, phụ cấp khi tham gia chống dịch (33,3%).

4.2. Nhóm chính sách hỗ trợ dài hạn

Các biện pháp mang tính chất dài hạn của Chính phủ không chỉ giúp DN vừa và lớn nhanh chóng phục hồi sản xuất, vượt qua đại dịch mà còn giúp cải thiện năng lực bên trong DN, mở rộng thị trường và thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính công phục vụ cho quá trình kinh doanh diễn ra thuận lợi. Nâng cao năng lực của DN và tạo môi trường kinh doanh thông thoáng là những cách thức hữu hiệu và bền bỉ nhất tạo động lực cho DN vượt qua các giai đoạn khó khăn bất ngờ khác nhau. Các biện pháp nhằm 3 mục tiêu chính: (i) Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của DN, (ii) Hỗ trợ hoạt động tiêu thụ sản phẩm của DN và (iii) Đơn giản hóa các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho DN.

Theo khảo sát, các DN cho rằng nhóm chính sách (i) là khó tiếp cận nhất với chính sách Hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản trị DN là 47,6%, Hỗ trợ ứng dụng công nghệ kỹ thuật số (42,8%), Hỗ trợ tiêm vắc-xin cho người lao động (28,5%). Ở nhóm chính sách (iii) 47,6% số DN cho rằng chính sách đơn giản hóa thủ tục hải quan là khó và rất khó tiếp cận, đơn giản hóa thủ tục hành chính là 45,3%, tuy nhiên mức độ “rất khó tiếp cận” ở các chính sách (iii) thấp hơn so với nhóm (i). Trong khi đó, ở nhóm (ii), tỷ lệ DN đánh giá chính sách khó tiếp cận nhất là hỗ trợ DN tìm thị trường mới, kết nối khách hàng chiếm 45,2%.

Kết quả khảo sát 2 nhóm chính sách cho thấy, trong các biện pháp ngắn hạn, nhóm chính sách hỗ trợ của Chính phủ về lãi suất và vay nợ được các DN vừa và lớn đánh giá là khó tiếp cận nhất và cũng có ít tác động tích cực tới DN nhất. Ngược lại, nhóm chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí được đánh giá là dễ tiếp cận và có tác động tích cực nhất với DN. Xu hướng cho thấy, hầu hết DN nếu có khả năng tiếp cận với chính sách dễ dàng hơn sẽ đánh giá mức độ tác động của chính sách tích cực hơn. Ở các biện pháp dài hạn, nhóm chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của DN được cho là khó tiếp cận nhất nhưng lại có tác động tích cực nhất tới DN, tiêu biểu là việc hỗ trợ tiêm vắc-xin cho người lao động,

việc làm rất thiết yếu để DN duy trì nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Như vậy, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, nhưng do một số trở ngại và bất cập trong quá trình thực thi, DN cho rằng một số chính sách còn khó tiếp cận và kém hữu ích.

5. Kiến nghị chính sách

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN gần như không còn chịu tác động ảnh hưởng của dịch bệnh. Tuy nhiên, những tác động của cú sốc này có thể vẫn ảnh hưởng lâu dài tới nhiều DN, nhất là những DN thiếu tiềm lực thực hoặc có cơ chế quản trị, điều hành chiến lược sản xuất kinh doanh trước tình hình mới chậm chạp hoặc thiếu phù hợp. Bên cạnh đó, dịch bệnh là cơ hội quan trọng để các DN tái cơ cấu và phát triển bền vững hơn cũng như thanh lọc những DN yếu kém, năng lực hạn chế nhất. Trong những kiến nghị dưới đây, bên cạnh các đề xuất từ phía DN, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị chính sách tạo môi trường hoạt động thuận lợi nhất cho những DN với vai trò tiên phong thúc đẩy Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình cao giai đoạn tới.

5.1. Các giải pháp kiến nghị đối với các doanh nghiệp

Các DN lớn cần rà soát đánh giá nhằm tái cơ cấu và điều chỉnh mô hình kinh doanh phù hợp với bối cảnh mới. Sau dịch bệnh, các mô hình quản lý và chiến lược kinh doanh có nhiều thay đổi ở cả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp, đối tác cũng như thị hiếu của người tiêu dùng. Để cắt giảm chi phí và tối đa hóa hiệu quả đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh, các DN cần tận dụng cơ hội tái cơ cấu về quản trị bộ máy điều hành quản lý, quản lý người lao động, về phương thức làm việc, về cải tiến, đổi mới công cụ, trang thiết bị, công nghệ ứng dụng sản xuất kinh doanh.

Chính sách đối với người lao động. Chính sách và điều kiện, môi trường làm việc tốt giúp người lao động gắn bó lâu dài với DN là vấn đề cốt lõi giúp DN luôn hoạt động ổn định, đặc biệt khi DN phải đứng trước những cú sốc lớn. Đào tạo kỹ năng và chuyên môn cho người lao động về mô hình, phương thức vận hành mới trong quản lý và sản xuất kinh doanh.

Đối với công tác tài chính. Các DN nên xây dựng và thực hiện tốt các quỹ rủi ro như: trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng rủi ro về môi trường, ... có khả năng chống chịu và thích ứng tốt với những cú sốc, biến cố lớn.

Quan hệ với nhà nhà cung cấp đầu vào và người tiêu dùng/khách hàng: cần đa dạng hóa và xây dựng hệ thống các nhà cung cấp đầu vào tin cậy nhằm đảm bảo quá trình vận hành sản xuất ổn định. Xây dựng hệ thống kho và quản lý kho dự trữ nguyên liệu đầu vào thông minh nhằm giảm thiểu chi phí. Có chiến lược phát triển thị trường thường xuyên, liên tục nhằm duy trì thị trường truyền thống, cốt lõi gắn với mở rộng thị trường mới tiềm năng, đa khu vực địa lý nhằm giảm thiểu rủi ro trước những cú sốc.

5.2. Nhóm kiến nghị giải pháp đối với Chính phủ

Tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục hành chính. Các phản hồi, kiến nghị của DN là cơ sở quan trọng giúp Chính phủ đưa ra các chính sách hỗ trợ DN vượt qua khó khăn một cách kịp thời và hiệu quả. Theo kết quả khảo sát, kiến nghị phổ biến nhất được các DN đưa ra có liên quan tới việc tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục hành chính. Khoảng 88,1% số DN kiến nghị Chính phủ cần đẩy mạnh đơn giản hóa quy trình thủ tục và 78,6% cho rằng cần giảm bớt và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Trước tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN bị tác động tiêu cực bởi dịch bệnh, cải thiện hệ thống pháp luật và quy trình thủ tục là giải pháp cần thiết nhằm hạn chế tối đa những phiền hà, tiết kiệm thời gian cũng như chi phí cho DN. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia giúp rút ngắn thời gian xử lý, giảm giấy tờ, bảo đảm công khai, minh bạch, đặc biệt cần thiết trong bối cảnh đại dịch căng thẳng, hạn chế tiếp xúc và hạn chế lưu thông, đi lại. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh các chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp dựa trên dữ liệu, tăng cường áp dụng công cụ kỹ thuật số để giám sát thực thi, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng.

Tăng cường đối thoại giữa doanh nghiệp và chính quyền. Cần tăng cường đối thoại giữa DN và chính quyền để DN có cơ hội thể hiện nguyện vọng, ý kiến, đề xuất, đồng thời Chính phủ lắng nghe, tiếp thu và đồng hành cùng DN tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Theo số liệu của khảo sát 66,7% DN mong muốn tăng cường đối thoại giữa DN và chính quyền.

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay ngân hàng với các lãi suất ưu đãi hấp dẫn. DN vừa và lớn hầu hết là các DN có đầy đủ các điều kiện pháp lý, tài sản bảo đảm để vay vốn. Năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành đáp ứng tương đối tốt so với yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, giải pháp mà Chính phủ cần thực hiện là đơn giản hóa các thủ tục giải quyết vay vốn cho DN, ban hành thêm các chính sách hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp, triển khai có hiệu quả chương trình kết nối giữa ngân hàng và DN để DN tiếp cận được nguồn vốn một cách nhanh chóng; luôn luôn lắng nghe và giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho DN tiếp cận được nguồn vốn với chi phí hợp lý.

Hỗ trợ DN trong việc chuyển đổi số, áp dụng tối đa các biện pháp ứng dụng công nghệ số/Internet trong sản xuất kinh doanh. Điều này không chỉ giúp cho DN trong đại dịch mà còn có tác động đổi mới toàn bộ quy trình của DN đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0. Theo khảo sát, hỗ trợ DN chuyển đổi số (59,5%) và áp dụng thống nhất các phần mềm giữa DN - chính quyền - khách hàng (64,3%) là hai giải pháp được DN đề xuất nhiều nhất. Để khơi thông chuỗi cung ứng toàn cầu, các DN cần được tiếp tục hỗ trợ đầu tư, tập trung khai thác các lợi thế từ chuyển đổi số để vươn lên khẳng định thương hiệu của mình, ký kết được các hợp đồng lớn để bán hàng hóa cho đối tác trong nước, nước ngoài, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Bản thân các DN cần mạnh dạn ứng dụng công nghệ số/Internet để tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng quản trị và có tầm nhìn chiến lược với những bước đi cụ thể để hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số.

Hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng linh hoạt với sự điều chỉnh của chuỗi cung ứng toàn cầu. Sau đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới và làm thay đổi các chuỗi cung ứng hàng hóa thế giới. Vì vậy, Chính phủ cần xây dựng các chính sách phát triển công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phù hợp với sự phát triển của các mạng, chuỗi sản xuất toàn cầu mới. Chính phủ tiếp tục có chiến lược phát triển công nghiệp, nông nghiệp phù hợp nhằm thu hút nhà đầu tư tham gia sản xuất chế biến và tạo ra những sản phẩm chuyên sâu có năng lực cạnh tranh cao, khó thay thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Chính phủ cần tiếp tục thúc đẩy xây dựng quan hệ ngoại giao, thương mại nhằm đa dạng hóa, đa phương hóa thị trường để tránh việc các doanh nghiệp trong nước phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, một nền kinh tế duy nhất. Trong bối cảnh Việt Nam tham gia sâu rộng vào hội nhập kinh tế toàn cầu, đặc biệt các hiệp định thương mại tự do mới ký kết

và đi vào thực thi như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực, cần tăng cường khả năng tận dụng các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do, các quy tắc xuất xứ hài hòa, biện pháp tạo thuận lợi hóa thương mại và đầu tư để gia tăng xuất khẩu, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực.

Lan tỏa tinh thần đoàn kết, chia sẻ khó khăn vượt qua đức rút từ giai đoạn dịch bệnh. Qua khủng hoảng, Chính phủ cần tiếp tục khuyến khích các DN thể hiện tinh thần đoàn kết, chung tay chia sẻ có trách nhiệm với Chính phủ, chính quyền địa phương trong sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, các DN vừa và lớn cần được khuyến khích thể hiện tinh thần vượt khó, thích ứng với tình hình mới, duy trì sản xuất, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, trở thành tấm gương và động lực cho các DN có quy mô nhỏ, dễ bị tổn thương trước các cú sốc.

Trong cộng đồng, hiệp hội các DN, Chính phủ cần lan tỏa và nhân rộng được các mô hình, cách làm tốt trong thời kỳ ứng phó với đại dịch Covid-19. Các DN cần có sự hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau về cách thức đối phó với các cú sốc, cách thức đổi mới, ứng dụng công nghệ số trong DN, cách thức tìm kiếm khách hàng, đối tác trong bối cảnh giãn cách khó khăn,... Đặc biệt, các DN có khả năng giữ ổn định/tăng lợi nhuận trong đại dịch, nhận thấy bối cảnh dịch bệnh có tác động “tích cực” tới sản xuất kinh doanh, cần trở thành đầu tàu dẫn dắt cho các DN khác. Bên cạnh đó, các cơ quan chính quyền cũng cần tăng cường trao đổi kinh nghiệm, tìm ra các nút thắt trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ DN. Tăng cường liên kết giữa các DN, liên kết giữa DN - Nhà nước - Khách hàng là giải pháp hữu ích giúp DN không chỉ vượt qua đại dịch mà còn có thể sẵn sàng đối mặt với những thách thức, khủng hoảng mới xảy ra trong tương lai.

6. Kết luận

Tác động của dịch bệnh Covid-19 cho thấy khả năng chống chịu và “sức khỏe”, khả năng phục hồi và năng lực phát triển trong dài hạn của các DN, nhất là những DN lớn và vừa trong nền kinh tế. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã làm bộc lộ rõ nét những điểm mạnh, điểm hạn chế của các DN nói chung. Dưới tác động của dịch Covid-19, các DN vừa và lớn tại Việt Nam gặp khó khăn lớn trong thời gian diễn ra của dịch Covid-19 về các hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng hàng hóa, khả năng tiếp cận khách hàng, dòng tiền cũng như tình hình lao động của doanh nghiệp,...; doanh thu và lợi nhuận, lao động việc làm của phần lớn các doanh nghiệp giảm khá mạnh trong ngắn hạn. Cùng với các chính sách hỗ trợ kịp thời và phù hợp của Chính phủ, các DN lớn và vừa cũng đã chủ động thực hiện những biện pháp ứng phó để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian dịch bệnh và những điều chỉnh, cải cách nhằm thực hiện chiến lược dài hạn. Trên cơ sở đó, một số kiến nghị được đề xuất nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các DN trong bối cảnh sau đại dịch.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023). *Sách trắng doanh nghiệp năm 2023*. Nxb. Thống kê.
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI. (2020). *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam – PCI 2020: Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp*. Hà Nội.
- Tổng cục thống kê. (2020). *Niên giám thống kê Việt Nam 2020*. Nxb. Thống kê.
- Tổng cục thống kê. (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021*. Hà Nội.